TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2022/DS-ST
Ngày 28-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Châu Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Bé B, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã K1, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* 1. Ông Trần Văn T (vắng mặt).

2. Bà Lý Thị O (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã K2, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Ngô Thị Bé B trình bày:

Ngày 20/4/2019, bà có cho bà Lý Thị O và ông Trần Văn T vay số tiền 44.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi. Khi vay tiền bà O có viết biên nhận. Mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T, bà O vẫn không trả tiền cho bà. Do đó bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông T, bà O trả cho bà số tiền 44.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Trần Văn T và bà Lý Thị

O không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Ngô Thị Bé B có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Trần Văn T và bà Lý Thị O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bé B thấy rằng:

Ngày 20/4/2019, bà có cho ông Trần Văn T và bà Lý Thị O vay số tiền 44.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi. Việc vay tiền có làm biên nhận nội dung "thiếm T còn thiếu Bé B bốn bốn triệu".

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông T và bà O nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 44.000.000 đồng. Mặc dù nguyên đơn xác định biên nhận chỉ do bà O viết nhưng tại thời điểm lập biên nhận đến nay thì ông Trần Văn T và bà Lý Thị O là vợ chồng nên phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông T, bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận cụ thể: 44.000.000 đồng x 5% = 2.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bé B. Buộc ông Trần Văn T và bà Lý Thị O có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Bé B số tiền 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Ông Trần Văn T và bà Lý Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.200.000 (hai triệu hai trăm nghìn) đồng (chưa nộp). Bà Ngô Thị Bé B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0006385 ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý